

QUY ĐỊNH

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn nước hoặc làm dịch vụ từ hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm: hồ chứa, đập, cống, kênh, rạch tạo nguồn nước) kể cả nguồn nước từ sông rạch tự nhiên trên địa bàn tỉnh nhưng do nhà nước đầu tư nạo vét.

Chương II GIÁ CỤ THỂ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

Điều 3. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Bảng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 như sau:

TT	Danh mục giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Đơn vị tính	Mức giá
I	Tưới tiêu cho lúa		
1	Tưới tiêu chủ động:		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	1.055.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	732.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	824.000
2	Tưới, tiêu chủ động một phần:		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	633.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	439.200
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	494.400

3	Tưới, tiêu tạo nguồn:		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	422.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	292.800
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	329.600
II	Tưới tiêu cho mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ đông		
1	Tưới tiêu chủ động:		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	422.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	292.800
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	329.600
2	Tưới tiêu chủ động một phần:		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	253.200
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	175.680
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	197.760
3	Tưới, tiêu tạo nguồn:		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	168.800
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	117.120
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	131.840
III	Cấp nước cho chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu		
1	Cấp nước cho chăn nuôi		
	Cấp nước bằng máy bơm	đồng/m ³	1.320
	Cấp nước bằng hồ đập, kênh cống	đồng/m ³	900
2	Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản		
	Cấp nước chủ động	đồng/ha mặt thoáng/năm	2.500.000
	Cấp nước tạo nguồn	đồng/ha mặt thoáng/năm	1.000.000
3	Cấp nước cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu		
a)	Tưới tiêu chủ động		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	844.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	585.600
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	659.200
b)	Tưới tiêu chủ động một phần		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	506.400

	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	351.360
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	395.520
c)	Tưới tiêu tạo nguồn		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	337.600
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	234.240
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	263.680
IV	Tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị		
	Tiêu bằng động lực	đồng/ha lưu vực/năm	36.925
	Tiêu bằng trọng lực	đồng/ha lưu vực/năm	25.620
	Tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha lưu vực/năm	28.840

Điều 4. Điều kiện áp dụng để tính giá

1. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh được tính đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang là giá không có thuế giá trị gia tăng./.